

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2025

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Ánh Khôi

Ông Dương Minh Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Minh Thường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Quang B, số căn cước công dân: 031090009035; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã Phục L, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Ph; vắng mặt (có đơn xin vắng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Quang B có: Ông Nguyễn Thành Đạt – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng N; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Phi Kh, số chứng minh nhân dân: 206220387; sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Vân Th, xã Tam X, thành phố Đà N; vắng mặt (có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Quang B trình bày:

Ông và bà Lê Thị Phi Kh tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vào ngày 15 tháng 12 năm 2016. Sau khoảng thời gian chung sống với nhau thì từ đầu năm 2021 vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng về quan điểm sống. Bà Lê Thị Phi Kh không những không tu chí làm ăn để góp phần chăm sóc gia đình, con cái mà còn thường xuyên vắng nhà, không chăm lo vun vén hạnh phúc gia đình. Từ đó, gây ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển bình thường của con. Đến tháng 12/2021, ông đã cùng 02 (hai) con về sinh sống tại thôn Bắc, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Còn bà Lê Thị Phi Kh vẫn tiếp tục sinh sống tại thôn Vân Thạch, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Từ đó đến nay, tình hình không được cải thiện, giữa vợ chồng có quan điểm sống khác nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Kh vi phạm pháp luật và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Bình Điện. Vì thế, ông có nguyện vọng muốn ly hôn để mỗi người được quyền lựa chọn một cuộc sống riêng.

Vì vậy, ông làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Phi Kh.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 (hai) con chung là cháu Phạm Lê Thảo Vy (sinh ngày 16/9/2016) và cháu Phạm Ngọc Khánh An (sinh ngày 13/6/2018). Ông đề nghị nghị giao các cháu Phạm Lê Thảo Vy, Phạm Ngọc Khánh An cho ông là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ông không yêu cầu bà Lê Thị Phi Kh thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải, bà Lê Thị Phi Kh trình bày:

Việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa bà và ông B là tự nguyện và hợp pháp như ông B đã trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà không xảy ra mâu thuẫn cho đến khi bà đi chấp hành án tại Trại giam Bình Điện. Vì vậy bà không đồng ý ly hôn với ông Phạm Quang B.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 (hai) con chung là cháu Phạm Lê Thảo Vy, sinh ngày 16/9/2016 và cháu Phạm Ngọc Khánh An, sinh ngày 13/6/2018. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông B nuôi dưỡng, tuy nhiên đến khi bà chấp hành án xong bà xin được quyền nuôi con. Nay bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Quang B, ông Nguyễn Thành Đạt trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các các Điều 51, 56,

81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang B. Theo đó, cho ông Phạm Quang B được ly hôn với bà Lê Thị Phi Kh. Về con chung đề nghị giao 02 con là cháu Phạm Lê Thảo Vy, sinh ngày 16/9/2016 và cháu Phạm Ngọc Khánh An, sinh ngày 13/6/2018 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi, ông B không yêu cầu bà Kh cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: ông B, bà Kh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đều xin vắng mặt và đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang B; cho ông Phạm Quang B được ly hôn với bà Lê Thị Phi Kh. Về con chung: giao 02 con là cháu Phạm Lê Thảo Vy, sinh ngày 16/9/2016 và cháu Phạm Ngọc Khánh An, sinh ngày 13/6/2018 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi, bà Kh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: ông B, bà Kh không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo quy định pháp luật.

Ông Phạm Quang B có đơn yêu cầu ly hôn, phân định quyền nuôi con khi ly hôn với bà Lê Thị Phi Kh. Đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn, bà Kh có địa chỉ tại thôn Vân Thạch, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng và quan hệ pháp luật có tranh chấp cần giải quyết là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phạm Quang B và bà Lê Thị Phi Kh xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vào ngày 15 tháng 12 năm 2016 theo quy định. Việc ông B, bà Kh kết hôn với nhau không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà Kh là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, theo ông B thì vợ chồng không hợp nhau về cách sống, bà Kh nhiều lần đi chơi, không chăm lo con cái, gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện tại bà Kh vi phạm pháp luật và đang bị tạm giam tại Trại giam Bình Điện. Bà Kh cho rằng vẫn còn tình cảm với ông B nên không đồng ý ly hôn. Quá trình hòa giải, mặc dù đã được giải thích quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình, nhằm hướng đến giải quyết các mâu thuẫn để các bên đương sự đoàn tụ gia đình về cùng làm ăn nuôi dạy con cái nhưng ông B không muốn đoàn tụ gia đình, vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Kh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông B, bà Kh là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc ông B yêu cầu ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà Kh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng ông B, bà Kh có 02 con là cháu Phạm Lê Thảo Vy, sinh ngày 16/9/2016 và cháu Phạm Ngọc Khánh An, sinh ngày 13/6/2018. Ông B xin nhận nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà Kh cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Kh đồng ý giao 02 con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung vì bà đang chấp hành án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung hiện đang được ông B nuôi dưỡng; 02 cháu Vy, An đã trên 7 tuổi và có ý kiến xin được ở với bố là ông B; các đương sự thoả thuận với nhau về việc nuôi con, do đó cần giao 02 con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc chăm sóc giáo dục con là nghĩa vụ, đồng thời cũng là quyền của cha mẹ nên bà Kh có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội

đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Quang B phải chịu theo quy định.

[4] Xét quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Quang B phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quang B về việc “*tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” đối với bị đơn bà Lê Thị Phi Kh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Quang B và bà Lê Thị Phi Kh.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Phạm Lê Thảo Vy, sinh ngày 16/9/2016 và cháu Phạm Ngọc Khánh An, sinh ngày 13/6/2018 cho ông Phạm Quang B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Kh có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở và trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phạm Quang B nhận chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006896 ngày 14-11-2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. (ông B đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5-Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- UBND xã Núi Thành (số 101/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Khôi